

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số 59/2026/HNGĐ-ST

Ngày 12 – 02 - 2026

Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Quốc Trọng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Thái Hoàng Bo

Ông Nguyễn Hoàng Ảnh

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Hà Chí Độ là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau.

Ngày 12 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 464/2025/TLST - HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2025 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 200/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Huỳnh Trúc T, sinh năm 1983; địa chỉ: Ấp CV, xã QP, tỉnh Cà Mau. Căn cước công dân số 096183016845 do Cục trưởng Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 07/7/2022. (có mặt)

- **Bị đơn:** Anh Dương Hoàng Đ, sinh năm 1985; địa chỉ: Ấp CV, xã QP, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Huỳnh Trúc T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Đ chung sống năm 2006, có đăng ký kết hôn tại UBND xã QPB, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (nay là UBND xã QP, tỉnh Cà Mau), hôn nhân tự nguyện. Trong quá trình chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn do anh Đ không quan tâm, lơ lửng cho gia đình dẫn đến cự cãi và ly thân từ năm 2024 đến nay. Chị xác định không còn tình cảm với anh Đ và yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn anh Đ.

Về con chung: Chị và Anh Đ có hai con chung là cháu Dương Diễm M, sinh năm 2007 và cháu Dương Trùng D, sinh ngày 17/12/2015, chị đang nuôi dưỡng cháu D. Khi ly hôn, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với cháu M do đã

trưởng thành và yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu D, không yêu cầu anh Đảm cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ: Chị T xác định không có.

Đối với anh Dương Hoàng Đ đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng nhưng đương sự vẫn vắng mặt không có lý do và không có ý kiến giải trình liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Dương Hoàng Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Đ là phù hợp.

[2] Về hôn nhân: Chị T và anh Đ chung sống với nhau vào năm 2006 trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định nên được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Theo chị T xác định nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do anh Đ không quan tâm, lo lắng cho gia đình dẫn đến cự cãi, anh chị ly thân từ năm 2024 đến nay và chị không còn tình cảm với anh Đ. Anh Đ không có ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Xét mâu thuẫn của anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình cho chị T được ly hôn anh Đ.

[3] Về con chung: Cháu M đã trưởng thành và các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết là phù hợp. Xét yêu cầu nuôi cháu D của chị T, thấy rằng: Cháu đang sống chung chị T vẫn phát triển tốt về mặt thể chất lẫn tinh thần và cháu có nguyện vọng sống chung với chị. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu D cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết là phù hợp.

[4] Về tài sản chung và nợ: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết là phù hợp.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị T phải chịu 300.000đ, đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Huỳnh Trúc T, cho chị Huỳnh Trúc T được ly hôn anh Dương Hoàng Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Dương Trùng D, sinh ngày 17/12/2015 cho chị Huỳnh Trúc T tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Dương Hoàng Đ không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Huỳnh Trúc T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), chị T đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0006080 ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau được chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Cà Mau;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Cà Mau;
- Ủy ban nhân dân xã QP, tỉnh Cà Mau;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Quốc Trọng

